# HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT TIẾN BỘ VÀO NÔNG THÔN, MIỀN NÚI

**ThS. LÊ QUỐC DOANH**

*Viện khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam*

*Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn*

Hoạt động chuyển giao kỹ thuật tiến bộ vào nông thôn, miền núi ở nước ta hiện nay về cơ bản có 4 hình thức; thu hút nhiều đối tượng tham gia và đa dạng hóa về hoạt động. Hiệu quả là khá lớn, nhưng mỗi kênh chuyển giao tiến bộ đều có những lợi thế, ưu điểm của nó. Các giải pháp tác giả đưa ra để thúc đẩy và tăng hiệu quả của công tác chuyển giao kỹ thuật tiến bộ vào miền núi cần được các nhà khoa học, quản lý lưu tâm dù ở bất kỳ kênh chuyển giao nào. Tuy nhiên nếu như có sự lồng ghép, phối hợp giữa các kênh chuyển giao, chắc chắn hiệu quả sẽ tăng lên rất nhiều.

Sau hơn mười năm đổi mới, kinh tế - xã hội ở nước ta nói chung và miền núi nói riêng đã có những bước tăng trưởng đáng kể. Ở nông thôn, hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất tự chủ được giao đất ổn định lâu dài và từng bước chuyển đổi từ kinh tế tự túc sang sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường năng động. Trong xu thế phát triển hiện nay, công tác chuyển giao kỹ thuật tiến bộ (KTTB) tại miền núi cũng đang diễn ra phong phú và sôi nổi. Hiện có nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia vào công tác này dưới nhiều hình thức. Phải nói rằng, trong những năm qua công tác chuyển giao KTTB đóng góp rất lớn vào sự nghiệp phát triển nông lâm nghiệp và nông thôn miền núi. Nhiều KTTB tiên tiến đã được áp dụng và phát huy hiệu quả tại vùng núi xa xôi hẻo lánh, nhiều dân tộc ít người còn rất thấp về trình độ dân trí đã được mở mang tri thức và làm chủ được những công nghệ và kỹ thuật tiên tiến. Tổng kết lại cho thấy ở nước ta có bốn hình thức chuyển giao KTTB sau đây:

### 1. Qua hệ thống khuyến nông, khuyến lâm của Nhà nước.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 13/CP (năm 1993) kèm theo bản qui định về công tác khuyến nông, hệ thống khuyến nông trong phạm vi cả nước được thiết lập. Tuy là một hệ thống tổ chức mới nhưng hệ thống khuyến nông - lâm đã đạt được hiệu quả cao trong hoạt động và giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động chuyển giao KTTB vào sản xuất.

Về mặt tổ chức, đến nay mạng lưới khuyến nông đã được hình thành từ trung ương đến địa phương. Ở trung ương có Cục khuyến nông - khuyến lâm, các tỉnh có các trung tâm khuyến nông - lâm và các huyện có trạm khuyến nông. Tuy nhiên, mạng lưới khuyến nông cơ sở hiện nay còn rất yếu hoặc chưa hình thành.

Hình thức hoạt động mạng lưới khuyến nông hiện nay chủ yếu thực hiện các chương trình khuyến nông được cấp trên giao, vì chỉ như vậy mới có kinh phí hoạt động. Đặc điểm chung của các chương trình này là chỉ chú trọng đến chuyển giao kỹ thuật, ít chú ý đến các yếu tố khác ảnh hưởng đến việc áp dụng KTTB (tức là các điều kiện kinh tế, xã hội, vốn, thị trường...). Thông thường khi chuyển giao kỹ thuật một cây trồng hoặc vật nuôi cho nông dân, cán bộ khuyến nông chỉ chú ý đến việc phổ biến các biện pháp kỹ thuật riêng rẽ thông qua các buổi tập huấn hoặc làm một vài mô hình nhỏ mà ít đi sâu vào phổ biến các giải pháp kỹ thuật đồng bộ cho cả hệ thống sản xuất.

Việc đào tạo cán bộ khuyến nông còn quá ít. Rất nhiều cán bộ chưa được tập huấn về nghiệp vụ khuyến nông. Tập huấn cho nông dân chủ yếu là phổ biến kỹ thuật, ít chú trọng đến cách thức làm ăn, kế hoạch kinh tế gia đình, kế hoạch sử dụng đất đai, lao động, vốn, chế biến và bảo quản nông sản phẩm.

### 2. Thông qua các chương trình, dự án phát triển.

Trong những năm qua được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ nên các bộ, ban ngành đã đầu tư nhiều dự án phát triển nhằm chuyển giao các KTTB vào miền núi. Thực hiện các dự án này, các bộ, ngành đã chọn các cơ quan nghiên cứu khoa học là đơn vị chủ trì thực hiện. Bởi lẽ các cơ quan này có đội ngũ cán bộ khoa học có chuyên môn, có kinh nghiệm chỉ đạo sản xuất và hơn nữa đây là nơi tạo ra các KTTB và thông tin cập nhật phục vụ thiết thực cho sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đây là hình thức chuyển giao KTTB có hệ thống. Quá trình được tiến hành từ bước điều tra, tìm hiểu thực tế để xây dựng đề cương dự án đến các bước lựa chọn KTTB phù hợp, xây dựng mô hình và truyền bá phổ cập. Nhờ có tính đồng bộ, hệ thống này mà các mô hình trình diễn KTTB mới thường thành công. Thông qua hình thức này, nông thôn miền núi, kể cả những vùng xa xôi hẻo lánh tiếp nhận được nhanh những KTTB và các thông tin khoa học cập nhật. Góp phần tích cực thay đổi những tập quán canh tác lạc hậu, thậm chí thay đổi được bộ mặt nông thôn trong một thời gian ngắn.

Hầu hết các dự án này đều chú trọng đến nội dung huấn luyện đào tạo về kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cho bà con nông dân và cán bộ địa phương, nên đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao dân trí, mở mang hiểu biết, tăng cường trình độ chuyên môn và năng lực chỉ đạo sản xuất cho cán bộ quản lý và cán bộ khuyến nông, lâm ở địa phương. Những đóng góp này là rất to lớn và phát huy hiệu quả lâu dài.

Thông qua các dự án này đã huy động được một lực lượng cán bộ khoa học có trình độ cao của các cơ quan nghiên cứu khoa học trực tiếp tham gia vào công tác chuyển giao KTTB vào nông thôn miền núi. Ngược lại cũng tạo điều kiện cho cán bộ khoa học có điều kiện tiếp xúc thực tế sản xuất để nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức sản xuất và chắc chắn sẽ giúp ích cho việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu của mình.

Tuy nhiên, những dự án này đòi hỏi

kinh phí tương đối lớn cho việc xây dựng mô hình ở phạm vi tương đối hẹp. Nếu như không làm tốt bước điều tra, khảo sát khi xây dựng dự án thì dễ dẫn đến cách tiếp cận chủ quan, áp đặt các KTTB của các nhà khoa học và dẫn đến thất bại.

Nếu không quan tâm đúng mức đến công tác thăm quan, hội nghị đầu bờ, tuyên truyền, phổ biến thì việc mở rộng các KTTB bị hạn chế và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh tế và xã hội của dự án.

**3. Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ.**

Từ khi có chính sách đổi mới, hoạt động của các Tổ chức phi Chính phủ (INGO) tại Việt Nam nói chung và hoạt động chuyển giao KTTB của các tổ chức này phát triển rất mạnh mẽ. Cách đây 10 năm, vào năm 1989-1990, số lượng các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam chỉ mới có khoảng 40 tổ chức. Đến cuối năm 1998, con số này đã lên đến khoảng 500. Tổng kinh phí hoạt động năm 1989 của các tổ chức phi chính phủ chỉ vào khoảng 40 triệu USD. Đến năm 1998, con số này đã lên tới khoản 250 triệu USD. Riêng về lĩnh vực nông nghiệp và chuyển giao KTTB, năm 1990 chỉ có 20 tổ chức phi chính phủ có các dự án ở 16 tỉnh với tổng kinh phí hàng năm ước tính 8 triệu USD thì năm 1998 đã có hơn 100 tổ chức phi chính phủ hoạt động tại 40 tỉnh với kinh phí khoảng 80 triệu USD. Những con số ước tính không chính thức trên đây phần nào nêu lên ý nghĩa của hoạt động chuyển giao KTTB của các tổ chức phi chính phủ nhằm giúp đỡ cộng đồng nông dân nghèo ở các vùng khó khăn trong phạm vi cả nước.

Hoạt động chuyển giao KTTB của các tổ chức phi chính phủ rất đa dạng và linh hoạt. Trên cơ sở tìm hiểu nhu cầu của người dân, tự người nông dân nêu lên các nhu cầu của cộng đồng người dân địa phương và các tổ chức phi chính phủ cố gắng đáp ứng những nhu cầu đó. Vì vậy hoạt động chuyển giao KTTB thường bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, bảo quản nông sản, thú y, bảo vệ và trồng rừng...

Cùng với việc lựa chọn và giới thiệu các kỹ thuật mới, các tổ chức phi chính phủ đầu tư nhiều tới hoạt động tập huấn kỹ thuật phổ biến thông tin và tăng cường năng lực cộng đồng, coi đây là một khâu có tính quyết định đến việc thành công của việc chuyển giao KTTB và đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Theo phương pháp chuyển giao KTTB của các tổ chức phi chính phủ, cán bộ khuyến nông không trực tiếp chỉ đạo việc chuyển giao mà chỉ đóng vai trò người hướng dẫn cho khuyến nông viên cơ sở (nông dân) để họ tự bàn luận với cộng đồng thực hiện. Cán bộ khuyến nông thường giúp tập huấn, đào tạo, hướng dẫn cách tổ chức thực hiện để chuyển giao KTTB khuyến nông viên cơ sở tự làm nhiệm vụ của cán bộ khuyến nông cấp huyện và xã.

Cũng liên quan đến phương pháp chuyển giao KTTB, các tổ chức phi chính phủ thường không chú trọng đến việc phát huy các mô hình làm ăn giỏi để từ đấy mở rộng ra. Họ cho rằng các hộ làm ăn giỏi thường là hộ khá giả, có đủ vốn, đủ nhân lực để có thể đầu tư, tiếp thu nhanh các KTTB. Do đó kinh nghiệm của hộ làm ăn giỏi rất khó có thể được nhân rộng ra, càng không thể vận dụng cho những hộ nghèo và rất nghèo, mà đây là nhóm người mà họ muốn giúp đỡ.

Những kinh nghiệm thành công của các tổ chức phi chính phủ là giúp chúng ta tổ chức chuyển giao KTTB hướng tới người ☞

# 20 NĂM VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN

Ngày 23/12/1999, tại Hà Nội, Viện nghiên cứu VHDG - Trung tâm KHXH&NVQG đã tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm thành lập và đón nhận Huân chương lao động hạng nhì. Tới dự lễ kỷ niệm có ông Nguyễn Duy Quý- Giám đốc Trung tâm KHXH&NVQG; ông Tô Ngọc Thanh - Tổng thư ký Hội văn nghệ dân gian Việt Nam; đại diện Ban khoa giáo Trung ương, Ban tư tưởng văn hóa Trung ương và lãnh đạo các viện thuộc Trung tâm KHXH&NVQG. Thay mặt Viện VHDG, Viện trưởng Ngô Đức Thịnh đã báo cáo tóm tắt những kết quả các mặt công tác của Viện trong 20 năm qua: Kể từ lúc ban đầu chỉ là Ban văn học dân gian thuộc Viện văn học, đến năm 1983 là Viện VHDG, từ năm 1993 đến nay là Viện nghiên cứu VHDG. Chặng đường 20 năm qua, Viện nghiên cứu VHDG đã làm tốt các nhiệm vụ cơ bản của mình: Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về VHDG; điều tra, thu thập các hiện tượng điển hình về VHDG, bảo tồn các di sản VHDG của dân tộc; quan hệ hợp tác với các ngành, địa phương, các nước có mối quan hệ giao lưu văn hóa với Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học chuyên ngành VHDG; xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác nghiên cứu VHDG. Để đáp ứng yêu cầu của thời đại và đất nước, trong những năm tới, Viện nghiên cứu VHDG tập trung vào công tác sưu tầm và hệ thống hóa các di sản VHDG; nghiên cứu bản lĩnh, bản sắc, sắc thái văn hoá các tộc người; tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam ; VHDG ở đô thị; giao lưu văn hóa; ảnh hưởng của VHDG với sự phát triển xã hội. Phát biểu tại buổi lễ, ông Nguyễn Duy Quý chúc mừng Viện nhân dịp đón nhận phần thưởng cao quý mà Nhà nước trao tặng, hy vọng Viện nghiên cứu VHDG sẽ đảm đương tốt những trọng trách được giao trong thời gian tới.

Tin và ảnh: Nguyễn Thị Hương Giang

*Tạp chí HĐKH*

nghèo, góp phần xóa đói giảm nghèo ở các vùng khó khăn và thay đổi phương pháp chuyển giao KTTB: Thay vì chỉ đạo sản xuất theo kế hoạch từ cấp cao xuống cấp thấp, bằng phương pháp chuyển giao KTTB từ người dân đi lên, có sự tham gia của người dân trong toàn bộ quá trình chuyển giao từ lập kế hoạch tổ chức thực hiện, đôn đốc kiểm tra và đánh giá kết quả, đề xuất các hoạt động tiếp theo. Từ đó giúp cho người dân có được niềm tin vào khả năng của mình và của cộng đồng để xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra họ đã gắn việc chuyển giao KTTB với vấn đề bảo vệ môi trường, phát triển nông thôn, gắn chuyển giao KTTB với các hoạt động giáo dục, y tế, phát triển cộng đồng.

Tuy nhiên chưa có sự cộng tác phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức phi chính phủ với hệ thống các cơ quan nghiên cứu - đào tạo về nông nghiệp ở nước ta. Sự phối hợp mới chỉ là mời cán bộ giúp làm cố vấn ngắn hạn về một số vấn đề cụ thể. Chưa có sự phối hợp toàn diện và một cơ chế làm việc có lợi cho cả hai bên.

Các tổ chức phi chính phủ chưa quan tâm nhiều đến đặc điểm về phong tục tập quán, nếp sống, cách nghĩ của người nông dân. Vì vậy các phương pháp chuyển giao KTTB của họ, chưa được "Việt Nam hóa". Một số kỹ thuật nhập nội như canh tác đất dốc theo kiểu mới chưa được nông dân quan tâm do chưa phù hợp.

**4. Phổ biến kỹ thuật và kiến thức cổ truyền trong cộng đồng.**

Ngoài những "kênh" chuyển giao KTTB nêu trên, hiện nay các kiến thức bản địa, kinh nghiệm sản xuất mang tính cổ truyền đang được lưu giữ và phát triển một cách bền vững trong cộng đồng các dân tộc. Nhiều kiến thức, kinh nghiệm đã và đang đóng góp tích cực cho việc phát triển sản xuất lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên môi trường.

Qua điều tra chúng tôi thấy kiến thức bản địa cổ truyền đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của đồng bào các dân tộc ở các tỉnh miền núi. Ở bất cứ địa phương nào, lĩnh vực nào trong hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, chế biến nông lâm sản v.v... chúng ta đều có thể thấy những kiến thức bản địa cổ truyền được người dân vận dụng một cách có hiệu quả vào sản xuất và cuộc sống.

Nhiều kiến thức bản địa cổ truyền về nông lâm nghiệp ở miền núi chẳng những không bị mai một đi mà chứng tỏ vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay và chắc chắn vẫn được gìn giữ và phát huy trong tương lai. Thí dụ như cọn nước, các giống cây nông lâm nghiệp bản địa...

Các kiến thức bản địa cổ truyền trong hoạt động nông lâm nghiệp phản ánh sự sáng tạo và thông minh của đồng bào các dân tộc đang sinh sống tại miền núi. Ngày nay các kiến thức đó cần được tiếp tục khai thác và vận dụng phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của hộ nông dân và xu hướng phát triển của đất nước.

*

* *

Hoạt động chuyển giao KTTB vào nông thôn miền núi nước ta hiện nay tương đối phong phú và phát triển nhanh. Nếu so với trước những năm đổi mới kinh tế thì hoạt động chuyển giao KTTB hiện nay đã thu hút nhiều đối tượng tham gia và đa dạng hóa về hoạt động. Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn miền núi thì vấn đề này còn nhiều hạn chế và bất cập. Dưới đây là một số giải pháp nhằm thúc đẩy và tăng hiệu quả của công tác chuyển giao công nghệ và KTTB vào miền núi trong thời gian tới:

● Đối với miền núi do điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội rất phức tạp nên không thể suy đoán và áp dụng tràn lan một KTTB cụ thể cho cả vùng rộng lớn. Mỗi KTTB được lựa chọn không những phải thích ứng với điều kiện tự nhiên mà còn đặc biệt chú ý tới sự phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, phong tục tập quán của từng địa phương, từng nhóm dân tộc.

● Nên thận trọng khi chuyển giao những công nghệ, KTTB phức tạp, yêu cầu đầu tư cao, kỹ năng thực hành và quản lý tinh xảo vào miền núi. Nhưng cũng tránh quan niệm miền núi là nơi khó khăn, trình độ dân trí thấp mà chuyển giao tới đó những công nghệ KTTB lỗi thời, lạc hậu và kém hiệu quả.

● Trước khi phổ cập rộng rãi các KTTB, cần xây dựng các mô hình trình diễn trên từng tiểu vùng sinh thái. Mô hình nên thực hiện ngay tại hộ nông dân và có sự tham gia trực tiếp của họ. Qui mô của mô hình không nên quá lớn mà nên làm nhiều, phân tán tới các thôn bản. Khi đã có mô hình thì việc tổ chức hội nghị đầu bờ để bà con đến tận mắt xem thấy là rất cần thiết.

● Cùng với việc đẩy nhanh chuyển giao KTTB mới vào miền núi cũng cần phải quan tâm bảo tồn và phát triển những kiến thức bản địa, những kinh nghiệm sản xuất truyền thống của bà con đồng bào các dân tộc. Những kinh nghiệm này đã có từ nhiều đời nay, qua một quá trình chọn lọc rất khắt khe của tự nhiên và đời sống lao động của con người. Phát triển những kỹ thuật truyền thống này chẳng những không làm hạn chế việc áp dụng những KTTB mới mà còn bổ sung được những điểm còn thiếu hụt, chưa kịp thích ứng của những KTTB mới.

● Song song với việc chuyển giao KTTB thì công tác tập huấn, tuyên truyền để cho người dân, cán bộ địa phương nắm được cách làm, cách ứng dụng, thấy được những khó khăn và thuận lợi là rất quan trọng. Nội dung tập huấn, tuyên truyền đơn giản, ngắn gọn, rõ ràng nhưng phải đầy đủ.

● Cách tiếp cận trong hoạt động chuyển giao KTTB vào miền núi cần được điều chỉnh. Chúng ta nên thay đổi việc thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch từ trên xuống bằng việc xây dựng các nội dung chuyển giao dựa vào yêu cầu thực tế của người dân mỗi địa phương.

● Nhà nước và các cấp chính quyền phải có chính sách khuyến khích, tạo mọi điều kiện để đưa nhanh KTTB vào sản xuất, đặc biệt ưu tiên cho miền núi. Chính sách đầu tư này phải đồng bộ - đó là tăng cường nguồn lực (điều kiện cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác chuyển giao KTTB); tăng cường nhân lực (cả số lượng và chất lượng người làm công tác này) và tăng cường động lực (chế độ đãi ngộ khuyến khích họ).

Biên tập: Nguyễn Công Mai